

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 411/2021/HSST

Ngày: 26/11/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Lê Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Hảo, bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Hưng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hội - chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Thành phố Vinh. Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 378/2021/HSST ngày 22/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 600/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Thị B** - Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 13 tháng 9 năm 1961. Tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: khối 15, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH P C. Trình độ học vấn: 12/12.

Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.

Con ông: Cao Sinh C (Đã chết). Con bà: Mai Thị Q (Đã chết).

Chồng: Phạm Xuân Ph - Sinh năm 1962.

Con: có hai con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1993.

Anh, em ruột: có 7 người, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Hoàng Thị Tuyết Nh – sinh năm 1991

Trú tại: khối 12, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

- Anh Vũ Thành T – sinh năm 1991

Địa chỉ: xóm Bút Ngọc, xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Anh Lô Văn Th – sinh 1978

Địa chỉ: Bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ S, Nghệ An (Vắng mặt)

- Anh Vi Văn N – sinh năm 1984
Địa chỉ: Bản Hòa S, xã Tà Cạ, huyện Kỳ S, Nghệ An (Vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1974
Địa chỉ: Bản Na Lượng, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ S, Nghệ An (vắng mặt)
- Ông Phạm Xuân P – sinh năm 1961
Địa chỉ: khối 15, phường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An (vắng mặt)
- Ông Cao Hồng S – sinh năm 1964
Địa chỉ: khối 1, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, Nghệ An (có mặt)
- Anh Nguyễn Thanh M – sinh năm 1982
Địa chỉ: Bản Na Lượng, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ S, Nghệ An (vắng mặt)
- Anh Phạm Mạnh C – Sinh năm 1987
Địa chỉ: khối 12, phường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An (có mặt)
- Công ty trách nhiệm hữu hạn P C
Địa chỉ: khối 15, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty trách nhiệm hữu hạn P C hai thành viên trở lên (địa chỉ: số 30, hẻm 2, ngõ 98, đường Võ Thị Sáu thuộc khối 15, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An), được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2003, có mã số thuế là 2900598788, kinh doanh trong lĩnh vực: Khai thác đá, cát, sỏi, xây dựng công trình, buôn bán kim loại và quặng, người đại diện theo pháp luật là Cao Thị B là giám đốc. Quá trình kinh doanh hoạt động khai thác đá tại mỏ đá xã Phà Đánh, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An năm 2018 và 2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn P C đã thuê xe ô tô của nhiều người (không rõ tên và địa chỉ) và ô tô tải mang biển kiểm soát 37C - 107.37 của anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1974, trú tại bản Na Lượng, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An) với số tiền trong hai năm là 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) và đã thanh toán cho anh H bằng tiền mặt. Đến tháng 03 năm 2020, Công ty của Cao Thị B thuê ông Vũ Thành T (sinh năm 1986, trú tại xóm Bút Ngọc, xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An) để tư vấn về thuế và kế toán cho công ty. Quá trình làm việc, Cao Thị B trao đổi với anh Vũ Thành T trong năm 2018 và năm 2019 Công ty trách nhiệm hữu hạn P C có phát sinh chi phí thuê xe để vận chuyển đất đá tại mỏ đá xã Phà Đánh, huyện Kỳ S nhưng công ty thanh toán bằng tiền mặt, không có hợp đồng và phiếu chi. Anh T nói bà B cần cung cấp chứng từ để hạch toán chi phí. Do không có chứng từ để hạch toán kinh tế, Cao Thị B đã tải trên mạng Internet về một bản mẫu hợp đồng thuê xe để chỉnh sửa, lập không 06 (sáu) hợp đồng thuê xe mới, cụ thể: 01 (một) Hợp đồng thuê xe ngày 01 tháng 01 năm 2018, số 01/2018/PC-TX, bên A là ông Vi Văn N (sinh năm 1984, trú tại bản Hòa S, xã Tà Cạ, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ

An), bên B là Công ty trách nhiệm hữu hạn P C; 01 (một) Hợp đồng thuê xe ngày 01 tháng 01 năm 2018, số 01/2018/PC-TX, bên A là ông Lô Văn Th (sinh năm 1978, trú tại bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An), bên B là Công ty trách nhiệm hữu hạn P C; 01 (một) Hợp đồng thuê xe ngày 01 tháng 01 năm 2018, số 01/2018/PC-TX, bên A là ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1974, trú tại bản Na Lượng, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An), bên B là Công ty trách nhiệm hữu hạn P C; 01 (một) Hợp đồng thuê xe ngày 01 tháng 01 năm 2018, số 01/2018/PC-TX, bên A là ông Lê M Hương (sinh năm 1978, trú tại bản Hòa S, xã Tà Cạ, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An), bên B là Công ty trách nhiệm hữu hạn P C; 01 (một) Hợp đồng thuê xe ngày 01 tháng 01 năm 2019, số 01/2018/PC-TX, bên A là ông Vi Văn N, bên B là Công ty trách nhiệm hữu hạn P C; 01 (một) Hợp đồng thuê xe ngày 01 tháng 01 năm 2019, số 01/2018/PC-TX, bên A là ông Lê M Hương, bên B là Công ty trách nhiệm hữu hạn P C. Trên các hợp đồng thuê này, chữ ký dưới mục đại diện bên B là Cao Thị B ký và đóng dấu công ty, chữ ký dưới mục đại diện bên B, Cao Thị B đã nhờ ba người thợ đến S nhà Cao Thị B (Cao Thị B không nhớ tên tuổi, địa chỉ) ký thay.

Sau đó, B tiếp tục lập không 13 (mười ba) phiếu chi tiền và nhờ anh Vũ Thành T in từ máy tính của bà B ra (anh T không biết B dùng để trốn thuế), bao gồm: 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 3 năm 2018, số PC041, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 30 tháng 4 năm 2018, số PC052, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 5 năm 2018, số PC070, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng. 01 (một) Phiếu chi ngày 30 tháng 6 năm 2018, số PC082, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 07 năm 2018, số PC102, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 8 năm 2018, số PC112, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 30 tháng 9 năm 2018, số PC130, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 10 năm 2018, số PC155 họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 30 tháng 11 năm 2018, số PC170, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 12 năm 2018, số PC185, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 1 năm 2018, số PC017, họ tên người nhận tiền chú Th, số tiền 39.583.333 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 28 tháng 2 năm 2018, số PC032, họ tên người nhận tiền Lô Văn Th, số tiền 113.183.563 đồng; 01 (một) Phiếu chi ngày 31 tháng 12 năm 2019, số PC110, họ tên người nhận tiền Vi Văn N, số tiền 200.000.000 đồng. Trên các phiếu chi này, Cao Thị B đã nhờ một số người làm thợ S (không rõ tên tuổi, địa chỉ) ghi và ký

mang tên Vi Văn N, Lô Văn Th dưới mục người nhận tiền, chữ ký ở dưới mục Giám đốc và thủ quỹ là do B ký tên, còn dưới mục người lập phiếu và mục kế toán trưởng B nói con dâu B là chị Hoàng Thị Tuyết Nh (sinh năm 1991, trú tại khối 12, phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An) ký tên. Tổng số tiền trên các chứng từ thuê xe mà Cao Thị B đã lập không là 674.999.996 đồng (*sáu trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng*). Công ty trách nhiệm hữu hạn P C đã hạch toán số tiền 674.999.996 đồng (*sáu trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng*) vào chi phí kinh doanh và kê khai là chi phí hợp lý để tính thu nhập chịu thuế, tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và được cơ quan thuế trừ thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 134.999.999 đồng (*Một trăm ba mươi tư triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*) tương ứng thu nhập doanh nghiệp trong năm 2018 và năm 2019 là $(674.999.996 \text{ đồng} \times 20 \% = 134.999.999 \text{ đồng})$.

Đến tháng 9 năm 2020, Cục thuế Nghệ An thành lập đoàn Thanh tra theo Quyết định số: 2303/QĐ-CT ngày 22/9/2020, quá trình Thanh tra tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P C, Cục thuế Nghệ An đã phát hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn P C có hành vi lập không chứng từ nhằm mục đích trốn thuế số tiền: 134.999.999 đồng (*Một trăm ba mươi tư triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*). Cục thuế Nghệ An đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An để tiếp tục xác M, điều tra làm rõ hành vi “Trốn thuế” xảy ra tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P C.

- Kết luận giám định số: 137/KL - PC09 (Đ3) ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An, kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên 02 “HỢP ĐỒNG THUÊ XE” giữa các bên Vi Văn N (bên A) và Công ty TNHH P C (Đại diện bên B) không phải do Vi Văn N ký, viết ra; chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nhận tiền” trên 10 phiếu chi cho Vi Văn N không phải do Vi Văn N ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên “HỢP ĐỒNG THUÊ XE” được lập giữ các bên Lô Văn Th (bên A) và Công ty TNHH P C (Đại diện bên B) không phải do Lô Văn Th ký, viết ra; Chữ ký, chữ viết “Chú Th”, “Lô Văn Th” dưới mục “Người nhận tiền” trên 02 “PHIẾU CHI” cho Lô Văn Th không phải do Lô Văn Th ký, viết ra.

- Kết luận giám định số: 1411/KL - TTKT1 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, kết luận: + Công ty TNHH P C hạch toán chi phí thuê xe đối với Vi Văn N và Lô Văn Th năm 2018, 2019 tổng số tiền là 674.999.996 đồng. Thực tế, Công ty TNHH P C không ký hợp đồng, không thuê xe, không thanh toán cho Vi Văn N, Lô Văn Th như các chứng từ đã thanh toán. Vậy, Công ty TNHH P

C đã có hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2018, 2019 tương ứng với chi phí thuê xe nêu trên là 134.999.999 đồng (=674.999.996 đồng x 20%). Hành vi trốn thuế được quy định tại khoản 5, điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006: “5. Sử dụng chứng từ tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn.

+ Việc Công ty TNHH P C thuê xe của ông Nguyễn Văn H và thanh toán số tiền 190.000.000 đồng nhưng không lập phiếu chi, không hạch toán trong sổ kế toán. Chi phí này không được tính vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty TNHH P C không được trừ (-) vào số tiền thuế đã khai sai (134.999.999 đồng).

Như vậy, mặc dù công ty trách nhiệm hữu hạn P C đã thanh toán tiền thuê xe hai năm 2018 và 2019 cho anh Nguyễn Văn H 190.000.000 đồng nhưng lập hợp đồng không, không lập phiếu chi, không hạch toán trong sổ kế toán. Cao Thị B với cương vị là giám đốc công ty đã trực tiếp ký quy chế hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn P C quy định tại Điều 12 "Các khoản chi phí phải có chứng từ hóa đơn hợp lý, hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính". Tuy nhiên, Cao Thị B không thông qua các thành viên khác trong công ty, mà đã sử dụng các chứng từ, tài liệu không hợp pháp khác nhằm xác định sai số tiền thuế phải nộp để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cáo trạng số: 411/CT-VKS ngày 13/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vinh truy tố Cao Thị B về tội “Trốn thuế” theo điểm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Vinh thực hiện quyền công tố đã luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Thị B đã phạm vào tội “Trốn thuế”. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 200; Điểm i, s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Cao Thị B từ 120.000.000đ đến 150.000.000đ. Tịch thu số tiền 134.999.999 đồng để nộp Ngân sách nhà nước. Tuyên trả cho Công ty TNHH P C 01 CPU máy tính bàn, 01 ổ đĩa cứng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Cao Thị B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận: Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, tại khối 15, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Cao Thị B là giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn P C (nhưng không thông qua các thành viên trong công ty) đã có hành vi hạch toán chi phí thuê xe đối với Vi Văn N và Lô Văn Th năm 2018, 2019 tổng số tiền là 674.999.996 đồng. Thực tế, Công ty TNHH P C không ký hợp đồng, không thuê xe, không thanh toán cho Vi Văn N, Lô Văn Th như các chứng từ đã thanh toán để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2018, 2019 tương ứng với chi phí thuê xe nêu trên là 134.999.999 đồng (=674.999.996 đồng x 20%). Hành vi trốn thuế được quy định tại khoản 5, điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006: “5. Sử dụng chứng từ tài liệu không hợp pháp khác để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được hoàn.

+ Việc Công ty TNHH P C thuê xe của ông Nguyễn Văn H và thanh toán số tiền 190.000.000 đồng nhưng không lập phiếu chi, không hạch toán trong sổ kế toán. Chi phí này không được tính vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty TNHH P C không được trừ (-) vào số tiền thuế đã khai sai (134.999.999 đồng). Hành vi của Cao Thị B thực hiện đã phạm vào tội: “Trốn thuế” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến ngân sách Nhà nước. Do vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng đối với tính chất mức độ do hành vi bị cáo gây ra để để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Cao Thị B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình công tác đã có nhiều thành tích xuất sắc được tặng nhiều giấy khen; Chồng của bị cáo là thương binh, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nghề nghiệp, nơi cư trú ổn định rõ ràng, mục đích phạm tội của bị cáo là hướng tới kinh tế, là lợi nhuận nên việc thu hồi cho Ngân sách Nhà nước những thiệt hại, tổn thất về kinh tế do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là yếu tố cần thiết nhất đối với loại tội phạm này. Quan điểm này cũng thể hiện ngay trong việc xây dựng các quy định pháp luật thể hiện tại Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong vụ án này việc khắc phục thiệt hại đối với hành vi của bị cáo đã được thực hiện và nộp lại đầy đủ tiền thu lợi bất chính nên có thể áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Đối với số tiền 134.999.999đ là số tiền bị cáo phạm tội mà có đã tự nguyện giao nộp cho nên căn cứ Điều 47 bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền trên của bị cáo. Quá trình điều tra có thu giữ 01 CPU máy tính bàn, 01 ổ đĩa cứng đã qua sử dụng bị cáo dùng vào việc in ấn hợp đồng nhằm mục đích trốn thuế. Tuy nhiên, xét đây là tài sản của Công ty TNHH P C lưu giữ các tài liệu liên quan đến Công ty và việc bị cáo dùng máy tính để sử dụng vào hành vi phạm tội các thành viên công ty không biết nên cần tuyên trả lại cho Công ty TNHH P C.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm đ Khoản 1 Điều 200; Điểm i, s,v Khoản 1, khoản 2 Điều 51 luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Cao Thị B 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) về tội “Trốn thuế”.

Về tang vật: Áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu số tiền 134.999.999đ (Một trăm ba tư triệu, chín trăm chín ngàn, chín trăm chín chín đồng) của bị cáo Cao Thị B để nộp ngân sách nhà nước. Số tiền này hiện có tại tài khoản Sở tài chính Nghệ An theo phiếu nộp tiền số HD 100521.0026.0407 ngày 10/5/2021.

Tuyên trả cho Công ty TNHH P C 01 CPU máy tính bàn, 01 ổ đĩa cứng. Số tang vật này hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Vinh theo phiếu nhập kho vật chứng số NK2022/23 ngày 29/10/2021.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Cao Thị B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để yêu cầu xét xử Pc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Vinh;
- VKSND Tỉnh NA
- Chi cục THADSTP Vinh;
- Công an TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An
- Bị cáo; Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoài